

## NGŨ ĐIỆU TIẾNG ANH VÀ CÁC CHỨC NĂNG

Nguyễn Huy Kỳ<sup>(\*)</sup>

### 1. Dẫn nhập

Ngữ điệu tiếng Anh (NĐT) là một vấn đề rất khó đối với người Việt nói tiếng Anh. Vì vậy, chúng tôi cố gắng khái quát hoá những gì rất trừu tượng liên quan đến hiện tượng ngôn điệu này để làm cho ngữ điệu tiếng Anh dễ nghiên cứu, dễ dạy, dễ học và dễ sử dụng hơn.

Chúng tôi bắt đầu nghiên cứu ngữ điệu tiếng Anh từ đơn vị nhỏ nhất của nó, đơn vị ngữ điệu (đơn vị ngữ điệu) theo quan niệm của Cruttenden [8] là cơ bản, có vận dụng một kết quả nghiên cứu của Ladefoged [11], O'Connor [12] và quan niệm về đường nét, độ cao của O'Grady, Dobrovolsky, Katamba [13].

Thuật ngữ "Tone" trong tiếng Anh không hiểu theo nghĩa "Thanh điệu" như trong tiếng Việt-là ngôn ngữ mang thanh điệu (tone language) mà nên hiểu là một trong những đặc tính cơ bản của từng mẫu hình ngữ điệu (MHND) hạt nhân (nuclear tone) tạo nên ngữ điệu tiếng Anh.

Chúng tôi quan tâm nhiều đến điểm kết thúc của đường nét ngữ điệu là chính vì điều này giúp đơn vị ngữ điệu diễn đạt nghĩa, ví dụ: lên giọng diễn đạt ý chưa hoàn thành; xuống giọng diễn đạt ý hoàn thành, khẳng định... của phát ngôn (PN).

### 2. Một số tiêu chí chính dùng để lựa chọn các MHND tiếng Anh cơ bản

- Có tính phổ quát (ngay tại Anh quốc và trên thế giới) và khái quát cao.

- Có cấu trúc tương đối rõ ràng và chặt chẽ nhưng dễ thể hiện bằng đồ hình và khẩu ngữ.

- Có tính hệ thống để tiện nghiên cứu và phù hợp với hệ thống ngữ điệu tiếng Anh.

- Có khả năng diễn đạt ý nghĩa một cách có hiệu quả.

### 3. Quan niệm và cách tiếp cận

Chúng tôi bắt đầu từ đơn vị ngữ điệu để tiếp cận và nghiên cứu ngữ điệu tiếng Anh.

Mỗi đơn vị ngữ điệu được khái quát hoá theo một mẫu hình ngữ điệu nhất định phù hợp với tiêu chí đã nêu trong phần 2.

Trong mỗi mẫu hình ngữ điệu, chúng tôi quan tâm đến điểm bắt đầu, kết thúc và chuyển dịch của đường nét ngữ điệu bắt đầu từ hạt nhân (được hiểu tương đương như trọng âm nổi trội) vì cho rằng điều này liên quan đến biểu đạt ngữ nghĩa và hành chức của ngữ điệu tiếng Anh.

### 4. Các MHND cơ bản trong tiếng Anh

#### 4.1. MHND cao - xuống thấp (High fall)

- Dạng thức:  (1)

- Miêu tả: Ngữ điệu này bắt đầu từ hạt nhân (nucleus) ở cao độ cao, rồi đi xuống và kết thúc ở cao độ thấp. (Xem 1)

<sup>(\*)</sup> NCS., Chủ nhiệm Khoa Ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.

- Chức năng: Nét phổ quát của MHND này là thể hiện sự quan tâm hơn, phấn khích hơn và lôi cuốn hơn từ phía chủ thể PN.

a) Ngữ điệu này được sử dụng với nghĩa hoàn thành, kết thúc và xác định, ví dụ:

**Tình huống 1:** Tại phòng lễ tân của khách sạn Hoàng gia, nhân viên lễ tân 1 muốn biết vị khách hôm nọ đã ở đây bao lâu, nên đã hỏi nhân viên lễ tân 2. Nhân viên lễ tân 2 trả lời một cách rõ ràng, khẳng định như sau:

*He 'stayed for four ' hours.*



(Ông ta ở lại 4 giờ.)

b) Được dùng trong PN nghi vấn dạng ngắn để đáp lại thông tin trước đó (chẳng hạn như "Did you?" (Thế á?), "Has she?" (Vậy ư?)), nhưng chú ý thì và loại động từ cho phù hợp, ví dụ:

**Tình huống 2:** B đang phân vân định hỏi A vì sao hôm qua không đi xem xiếc như đã hẹn. A nói rằng mình đi xem phim. Để đáp lại ngắn gọn, B đã nói như sau:

A. (I went to the cinema yesterday.)  
(Hôm qua tôi đi xem phim.)

B. 'Did you? (Thế à)



(đáp lại ý "Hôm qua... xem phim.")

c) Ngữ điệu này thường hay được dùng trong PN cảm thán bắt đầu bằng "How" + tính từ/ trạng từ và "What" + danh từ/ cụm danh từ, ví dụ:

**Tình huống 3:** Sau khi xem tin và ảnh Hoa hậu úc đăng quang Hoa hậu hoàn vũ 2004 đăng trên báo, anh bạn người Anh của tôi thán phục vẻ đẹp của cô bằng cách sử dụng PN cảm thán với ngữ điệu như sau:

*How ' beautiful she is!*



(Cô ta thật là đẹp!)

d) Dùng ngữ điệu này trong các mệnh đề kết hợp nhằm thể hiện 2 sự việc/ hành động phân biệt, ví dụ:

**Tình huống 4:** Trong thời gian du học tại Vương quốc Anh, tôi đã quen một cô bạn người Anh tên là Brown. Nhân ngày nghỉ cuối tuần, nhóm chúng tôi đi picnic. Cùng đi với chúng tôi còn có anh bạn của Brown. Để thân mật và tiện giao tiếp, Brown đã giới thiệu cho các thành viên trong nhóm:

*He is ' twenty years old/and lives in ' London.*



(Anh ta 20 tuổi và sống ở Luân Đôn.)

e) Thường được dùng trong PN nghi vấn có từ để hỏi, ví dụ:

**Tình huống 5:** Vừa vào đến nhà, chợt nhìn thấy một cái gì đó hơi lạ để gần chiếc TV mẫu, Tom liền hỏi Sam:

What is ' that? (Cái gì đó?)



**4.2. MHND thấp vừa-xuống thấp (Low fall)**

- Dạng thức:  (2)

- Miêu tả: Ngữ điệu này bắt đầu từ hạt nhân ở cao độ tương đối thấp, sau đó đi xuống và kết thúc ở cao độ thấp (Xem 2).

- Chức năng: Nhìn chung, cách dùng của ngữ điệu này cũng tương tự như cách dùng của MHND cao-xuống thấp, nhưng khác ở chỗ: MHND thấp vừa-xuống thấp thường được dùng trong trường hợp chủ thể PN muốn diễn đạt điều gì đó lãnh đạm hơn, không phấn khích và vô cảm. Thường thì MHND này hay được dùng ở vị trí cuối của PN nhằm mục đích kết điệu.

a) Được dùng với nghĩa hoàn thành, kết thúc, xác định nhưng với vẻ vô cảm, lãnh đạm, ví dụ:

**Tình huống 6:** Buổi sáng, Peter đang giận dữ với mẹ ở nhà. Khi mẹ hỏi cậu tối qua đã làm gì thì Peter trả lời với vẻ vô cảm, không phấn khích (vì vẫn còn giận mẹ):

*I wrote a letter.*

(Con đã viết một bức thư.)

b) MHND này được dùng trong PN nghi vấn láy đuôi để đáp lại một PN nào đó với vẻ không quan tâm, thậm chí là "ghét", ví dụ:

**Tình huống 7:** Ở trường, John luôn là một cậu bé hay khoe khoang (khiến cho mọi người không thích). Hôm nay, cậu khoe với Daniel-một người bạn cùng lớp:

*John: (I've just started writing my new novel.) (Tôi vừa khởi viết cuốn tiểu thuyết mới của mình.)*

*Daniel: Have you? (Thế á?)*

c) Ngữ điệu này được sử dụng trong PN nghi vấn có từ để hỏi, nhưng khác với MHND cao-xuống thấp, MHND thấp vừa-xuống thấp diễn đạt điều gì đó lãnh đạm hơn hoặc vô cảm, ví dụ:

**Tình huống 8:** David đang ngủ trưa ở nhà. Bỗng có tiếng Mary-bạn cùng lớp gọi điện rủ đi chơi. David rất buồn ngủ, không quan tâm đến chuyện đi chơi. Vì vậy, cậu chỉ hỏi Mary cho có chuyện:

*Where are you?*

(Bạn ở đâu?) (với vẻ vô cảm, lãnh đạm).

#### 4.3. MHND thấp/ TB - lên cao (High rise)

- Dạng thức:

(3)

Hoặc

(4)

- Miêu tả: Ngữ điệu này bắt đầu từ hạt nhân ở cao độ thấp (như (3)) hoặc ở cao độ TB (như (4)), rồi đi lên và kết thúc ở cao độ tương đối cao (như (3) hoặc (4)).

- Chức năng: Nhìn chung, khi hành chức, MHND này là có tính ngẫu nhiên. Chúng tôi sẽ dùng MHND (4) là chính vì MHND (3) nghe the thé, biểu hiện sự không tin, bị sốc.

a) MHND này được sử dụng trong PN nghi vấn có/ không để yêu cầu người tiếp thụ PN trả lời "Có" hoặc "Không", ví dụ:

**Tình huống 9:** Kate và Beth chơi rất thân với nhau. Hôm nay, Beth nghe nói Kate sẽ sang nước ngoài sống cùng gia đình. Beth rất sửng sốt, cô hỏi lại Kate để có được câu trả lời chính xác:

'Are you going? (Bạn đi à/ ư?)



b) Dùng trong PN nghi vấn lặp lại ý của chủ thể PN, hoặc dùng để nhắc lại PN nghi vấn của ai đó, ví dụ:

**Tình huống 10:** Từ trước đến nay, Steve luôn học kém nhất lớp, nhưng vừa rồi cậu đã đỗ vào đại học. Kathy nói với Jane: "He passed his exam" (Anh ấy đã thi đỗ). Jane tỏ ra rất ngạc nhiên, cô nhắc lại:

He passed his exam?



(Thế à?! Anh ấy đã thi đỗ rồi ư?)

Hoặc: John và Peter tình cờ gặp nhau trong WC, John bỗng nhiên hỏi người kia: "Where are you going?" (Anh đang đi đâu đấy?). Peter thấy làm lạ, không hiểu tại sao John lại hỏi một câu hỏi thừa như vậy, liền hỏi lại:

Where am I going?



(Tôi đang đi đâu ư?) (Ý hỏi lại.)

c) Ngữ điệu này thường hay được sử dụng trong phần láy đuôi của PN láy đuôi. Phần láy đuôi có thể bao gồm dạng phủ định hoặc khẳng định vì còn phụ thuộc vào mệnh đề ngay trước phần láy đuôi, được tách biệt bởi dấu phẩy. Nếu phần trước dấu phẩy là khẳng định thì phần sau dấu phẩy là phủ định, và ngược lại. Phần trước dấu phẩy bao giờ cũng xuôi ngữ, còn phần sau dấu phẩy(phần đuôi hoặc phần láy đuôi) bao

giờ cũng ngược ngữ. Ngữ điệu trước dấu phẩy và sau dấu phẩy trong PN nghi vấn láy đuôi được khái quát hoá như sau:

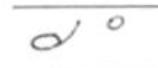
↘X	,	↗Y	?	(A)
Xuống	,	Lên		

↘X	,	↘Y	?	(B)
Xuống	,	Xuống		

Vì đang quan tâm đến cách dùng MHND thấp/ TB-lên cao nên chúng tôi chỉ luận bàn đến hình (A), trong đó có MHND này thể hiện ở phần láy đuôi (phần Y). Kiểu ngữ điệu trong PN nghi vấn láy đuôi như hình (A) cũng được hiểu và sử dụng tương đương như ngữ điệu trong PN nghi vấn có/ không, ví dụ:

**Tình huống 11:** Lâu lắm Rebecca mới gặp Willy-một cậu bạn từ hồi trung học phổ thông. Nghe nói bây giờ Willy đang là bác sĩ. Rebecca rất ngạc nhiên nên đã hỏi lại Willy để mong nhận được sự trả lời:

You are a doctor, aren't you?



(Bạn là bác sĩ có phải không?).

d) MHND thấp/ TB-lên cao thường được sử dụng trong các trạng ngữ hoặc danh ngữ ở vị trí đầu PN nhằm xác định rõ hơn ranh giới của các ĐVND, từ đó dễ dàng nắm bắt thông tin, chứa đựng trong PN. Cách dùng này còn cả ý nghĩa ngữ pháp trong đó, ví dụ:

**Tình huống 12:** Jack hỏi Rose sáng hôm qua đã làm gì. Rose trả lời:

*/Yesterday<sup>1</sup>morning/, I went to school.*

o o o d<sup>o</sup>

(Sáng qua, tôi đi học.)

Hoặc: Để tiện liên hệ và trao đổi thông tin, Rose đã tự nói với Jack công việc mình thường làm vào buổi sáng:

*In the<sup>1</sup>morning, I usually learn at home.*

o o d<sup>o</sup>

(Buổi sáng, tôi thường học ở nhà.)

e) MHNĐ này được sử dụng trong PN có liệt kê thông tin: Trong trường hợp này, chủ thể PN phải lên giọng ở các từ được liệt kê và chỉ xuống giọng ở từ cuối cùng của PN liệt kê thông tin, ví dụ:

**Tình huống 13:** Trong lớp học, cô giáo đang bảo học sinh Carla liệt kê những đồ vật có trong cặp sách của mình. Carla nói:

*/I've got a<sup>1</sup>book/, a<sup>1</sup>pen/ and a pencil /.*

o o o d<sup>o</sup> | o d<sup>o</sup>

(Em có một quyển sách, một cái bút mực và một cái bút chì.)

(Chú ý: có sự ngưng nghỉ không chêm xen sau mỗi ĐVNĐ, không kể ĐVNĐ cuối cùng trong PN trên.)

f) Ngữ điệu này cũng thường được dùng trong PN chào hỏi (greetings), chào tạm biệt (thường người chào trước hay dùng), và cảm ơn (cho lịch sự chứ không phải hàm ơn vì người giúp đỡ không thành công), ví dụ:

**Tình huống 14:** Ann đến phòng hướng dẫn của nhà ga King's Cross vào lúc 10.00 để xem giờ tàu khởi hành đi Newcastle. Trước khi hỏi thông tin liên

quan đến chuyến đi, Ann chào nhân viên thông tin của nhà ga:

*Good<sup>1</sup>morning. (Chào anh/ chị.)*

o d<sup>o</sup>

Hoặc: Sau buổi liên hoan chia tay với các bạn cùng lớp, Sam chào tạm biệt mọi người:

*Good<sup>1</sup>bye. (Tạm biệt.)*

o d<sup>o</sup>

Hoặc: ở Anh, trên xe buýt, sau khi hành khách trả tiền mua vé xe, người bán vé thường nói:

*Thank you. (Cảm ơn.)*

d<sup>o</sup>

#### 4.4. MHNĐ thấp-lên cao TB (Low rise)

- Dạng thức: d<sup>o</sup> (5)

- Miêu tả: Ngữ điệu này bắt từ hạt nhân ở cao độ tương đối thấp, sau đó đi lên và kết thúc ở độ cao trung bình (như (5)). Trước hạt nhân có thể xảy ra 2 trường hợp: âm tiết ở cao độ thấp hơn và âm tiết ở cao độ cao hơn (so với hạt nhân).

- Chức năng: Cách diễn đạt phổ quát của MHNĐ này như sau: Nếu âm tiết ở cao độ thấp hơn so với hạt nhân (trường hợp 1) thì ngữ điệu này thể hiện ý phi cam kết hoặc cần nhân từ phía chủ thể PN. Nếu âm tiết ở cao độ cao hơn so với hạt nhân (trường hợp 2) thì ngữ điệu này thể hiện ý êm ả, làm yên tâm, vể vể cả. Ngoài ra, cách dùng đặc trưng của ngữ điệu này là có tính hùng hồn, hùng biện

và cũng là đặc trưng của phong thái đọc mang tính trịnh trọng.

a) Thường ngữ điệu này được dùng ở vị trí cuối PN trần thuật thông qua các trạng từ hoặc trạng ngữ nhằm xác định ranh giới của ĐVND liền trước đó, ví dụ:

**Tình huống 15:** Buổi tối, khi bố nhận được bảng điểm học kì 1 của Charlie, bố liền cãi nhàn với mẹ và không hài lòng:

*He didn't get a high enough mark / unfortunately.*



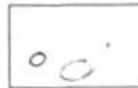
(trường hợp 1)

[8:95] (Nó đã không đạt được điểm đủ cao, thật đáng tiếc.)

b) MHND này hay được dùng ở vị trí cuối cùng trong một số kiểu diễn đạt có các động từ như: trả lời (answer), nói (say), tưởng tượng (imagine), suy nghĩ (think), ví dụ:

**Tình huống 16:** John bắt đầu hút thuốc lá từ ngày mới quen Jane. Đến nay đam mê nghiện, John hút rất nhiều. Mặc dù bác sĩ khuyên anh bỏ thuốc nhưng anh nhất định không bỏ, ngược lại còn cảm thấy hãnh diện bởi cái ngày đáng nhớ ấy. Với giọng kẻ cả, ông bác sĩ thủng thẳng nói:

*You will rue the day you did that / he said.*



(trường hợp 2)

[8 : 95] (Rồi bạn sẽ hối tiếc cái ngày bạn đã làm điều đó, ông ta nói vậy.)

c) Thường được sử dụng trong mệnh đề kết hợp đầu tiên của câu ghép nhằm xác định rõ hơn ranh giới của các mệnh

đề kết hợp. Trong trường hợp này, mỗi mệnh đề kết hợp thường trùng với mỗi ĐVND, ví dụ:

**Tình huống 17:** Có một nữ diễn viên điện ảnh nổi tiếng đến một ngôi làng nhỏ. Người dân trong làng đều rất chú ý đến cô. Họ thì nhau kể những gì cô ta đã làm ở đó cho nhau nghe. Một người dân làng kể:

*She took her car / and drove to London.*



(Cô ta đi xe hơi và phóng đến Luân đôn.)

PN trên có 2 ĐVND tương đương với 2 mệnh đề kết hợp là "He...car" (ĐVND 1) và "and...London"(ĐVND 2). ĐVND1 có MHND thấp-lên cao TB và ĐVND 2 có MHND cao-xuống thấp. Sự kết hợp 2 MHND này còn bao hàm sự kế tiếp của một hành động đơn thuần.

d) Ngữ điệu này cũng hay được sử dụng ở vị trí cuối hoặc sát cuối (đối với trường hợp sau hạt nhân là một từ riêng biệt không có trọng âm) nhằm thể hiện thêm ý phi cam kết, thậm chí cần nhàn, phàn nàn, với điều kiện không có âm tiết nào ở cao độ cao hơn hạt nhân, ví dụ:

**Tình huống 18:** Ở nhà, mẹ mắng Bill vì nghĩ rằng nó đã làm vỡ cái lọ hoa đẹp nhất. Bill cứ một mực kêu ca, phàn nàn rằng nó không làm điều đó:

*It's not. (Không phải thế.) (ý phàn nàn.)*



Hoặc: Cô giáo vào lớp thấy lớp học rất bẩn liền bảo Jane lấy chổi quét lớp. Vì là học sinh không chăm chỉ lắm, Jane nói:

Why, should I?

o ɔ °

(Sao lại là em?) (Diễn đạt ý cần nhân, không vừa ý.)

e) MHND này cũng thường được dùng để diễn đạt thêm ý dụ dằng, làm yên lòng, yên tâm, hoặc thậm chí ra vẻ kẻ cả, bề trên (người lớn sử dụng với trẻ nhỏ), với điều kiện có âm tiết ở cao độ cao hơn so với hạt nhân, ví dụ:

**Tình huống 19:** Buổi tối, bố với ông đang nói chuyện với nhau. Bố không muốn Army nghe thấy nên bảo cô bé đi ra chỗ khác. Tuy nhiên, ông lại không muốn Army đi. Ông nói:

You needn't go away.

o o o o ɔ

(Cháu không cần phải đi đâu cả.) (Giọng bề trên.)

f) Ngữ điệu này thường hay được sử dụng ở phần láy đuôi trong PN láy đuôi để diễn đạt một ý nào đó không chắc chắn, ví dụ:

**Tình huống 20:** Trước kia, Bob học không giỏi lắm. Vừa rồi, cậu đã thi đỗ đại học. Khi bố cậu nghe tin đấy, rất ngạc nhiên, không chắc có đúng như vậy không, nên đã hỏi lại:

He passed, /, hasn't he? (Nó thi đỗ rồi ư?)

ɔ ° °

g) Thường được sử dụng trong PN nghi vấn có/ không thay lời chào nhằm thể hiện tính trịnh trọng. Đó cũng là đặc trưng của phong thái đọc mang tính trịnh trọng, hùng hồn, ví dụ:

**Tình huống 21:** Kết thúc bữa tiệc liên hoan ở cơ quan, một nhân viên thấy sắp của mình đi về, liền chạy ra chào rất trịnh trọng:

Are you going away?

o o o o ɔ

(Anh đi ạ!) (Lời chào trịnh trọng.)

h) MHND này cũng thường được sử dụng trong PN có liệt kê, ví dụ:

**Tình huống 22:** Một ông bố rất tự hào về con của mình nên hay đi giới thiệu với mọi người về nó, nói rằng:

/He knows, French /, English / and Russian. /

o o ɔ o °

(Anh ta biết tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Nga.) (Ý trịnh trọng.)

#### 4.5. MHND TB - ngang (Mid level)

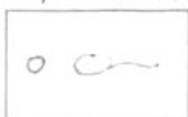
- Dạng thức: o ~ (6)

- Miêu tả: Chuyển động ban đầu của đường nét ngữ điệu này bao giờ cũng bắt đầu từ hạt nhân ở cao độ TB, sau đó tiến triển theo chiều ngang (xem (6)).

- Chức năng: MHND này thường hay được dùng ở vị trí phi kết thúc (non-finality) nhằm biểu đạt ý nhầm chán, châm chích hoặc mỉa mai, ví dụ:

**Tình huống 23:** Trong lớp học, Harry đang nói chuyện với Lana về cô bạn của mình. Harry cho rằng cô ta học rất giỏi, lẽ ra phải đứng nhất lớp học kì vừa rồi. (Sự thực thì không phải vậy). Lana nói mỉa mai:

/Of >course, / she could have got a



much better result. /

(Tất nhiên, lẽ ra cô ta có thể đạt được một kết quả tốt hơn nhiều.)

#### 4.6. MHND lên - xuống (Rise - Fall)

- Dạng thức:  (7)

- Miêu tả: Chuyển động ban đầu của đường nét ngữ điệu này bao giờ cũng bắt đầu từ hạt nhân ở cao độ hơi thấp hoặc TB, sau đó đi lên đến cao độ tương đối cao, rồi lại đi xuống và kết thúc ở cao độ thấp (xem (7))

- Chức năng: Cách dùng có tính phổ quát của MHND này là diễn đạt sự kết thúc, hoàn thành và xác định.

a) MHND này được dùng để thể hiện ý được gây ấn tượng trước một thực tế khách quan trong một tình huống hoặc chu cảnh nào đó, ví dụ:

**Tình huống 24:** Máy bà mẹ ngồi với nhau, kể chuyện học hành của con cái mình. Một bà khoe về con gái mình: *She got a first at Cambridge.* (Nó có văn bằng đại học hạng cao nhất ở trường Đại học Cambridge.). Một bà khác rất ngạc nhiên hỏi với vẻ đầy ấn tượng:

*^Did she! / At ^Cambridge. /*



(Thế cơ à! Ở trường Đại học Cambridge.)

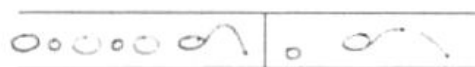
Đường nét ngữ điệu trong ĐVND "*Did she!*" là đường nét ngữ điệu liền; còn đường

nét ngữ điệu trong ĐVND "*At Cambridge*" là đường nét ngữ điệu không liền.

b) Với giọng nói kèm theo hơi thở, ngữ điệu này cũng thường được sử dụng để diễn đạt một chuyện ngổ lê đôi mách, ví dụ:

**Tình huống 25:** ở ngoài chợ, một nhóm mấy bà bán hàng đang ngổ lê đôi mách, nói chuyện về Jane. Một bà hỏi:

*/Have you heard about ^Brown? / she's ^pregnant! /*



(Bà có nghe thấy người ta nói chuyện về Brown không? Cô ta có bầu đấy!)

c) Một cách dùng khác cũng khá thông dụng với MHND này, đó là diễn đạt điều gì đó có thách thức, yêu cầu cao, hoặc thử thách khả năng, ví dụ:

**Tình huống 26:** Trong lớp, Sarah đang ngồi đố Annie tìm hết các trạng từ trong một đoạn văn. Đã hết thời gian mà Annie không tìm ra một trạng từ chỉ thời gian nào cả. Sarah nói đầy thách thức với Annie:

*But there are ^lots of them in the text.*



(Nhưng có nhiều ở trong văn bản này đấy.) (Ý thử thách khả năng của người tiếp nhận thông tin về vấn đề cả hai cùng quan tâm.)

Cách dùng MHND này với ý thách thức, thử thách khả năng của người tiếp nhận PN, thường chỉ thể hiện ở lời đáp (responses).

Nếu đem so sánh 2 cách dùng của MHND lên-xuống trong việc diễn đạt ý

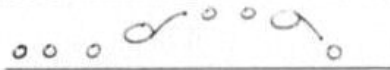


được gây ấn tượng (impressed) như trong ví dụ: *^Did she! At^ Cambridge!* và cách thể hiện điều gì đó có thách thức, yêu cầu cao, hoặc thử thách khả năng (challenging) như trong ví dụ: *But there are ^lots of them in the text* thì chúng tôi cho rằng cách dùng của MHND lên-xuống với nghĩa “challenging” thường thể hiện ở lời đáp, còn với nghĩa “impressed” lại có thể có hoặc không thể hiện ở lời đáp.

d) MHND này cũng hay được dùng trong PN lựa chọn, ví dụ:

**Tình huống 27:** Trong giờ học, cô giáo dạy cho học sinh mẫu giáo biết phân biệt đâu là bút mực, đâu là bút chì:

*Is this a 'pen or a 'pencil?*



(Đây là cái bút mực hay bút chì?)

MHND lên-xuống được thể hiện trong ĐVND *Is...pencil?* bắt đầu lên từ hạt nhân “pen” và xuống từ âm tiết có trọng âm /pen-/ của từ “pencil”. Với sự hành chức này của MHND lên-xuống, chủ thể PN muốn người tiếp nhận PN lựa chọn thông tin trước hoặc sau “or” (cụ thể là “a pen” hoặc “a pencil”).

#### 4.7. MHND xuống-lên (Fall-Rise)

- Dạng thức:  (8)

- Miêu tả: Ngữ điệu này bao giờ cũng bắt đầu từ hạt nhân ở cao độ tương đối cao, sau đó đi xuống đến cao độ tương đối thấp, rồi lại đi lên và kết thúc ở cao độ TB hoặc trên TB một chút (xem (8)).

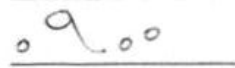
- Chức năng: Cách dùng có tính phổ quát nhất của MHND này là diễn đạt

cảm xúc mạnh mẽ như: *không chắc chắn, nghi ngờ, hoặc ướm thử, thăm dò, cảnh báo hoặc động viên...*

a) Ngữ điệu này được sử dụng trong PN trần thuật chưa hoàn thành nhưng có xu hướng dẫn đến một PN tiếp theo theo PN trần thuật ấy, ví dụ:

**Tình huống 28:** Tôi qua, Paul tình cờ gặp Shane. Vì thế bây giờ Paul đang kể với Donald về cuộc gặp tôi qua. Donald rất ghét Shane). Do vậy, Paul vừa kể vừa thăm dò xem thái độ của Donald như thế nào. Paul nói:

*I looked at him (and recognised him at once).*



(Tôi nhìn anh ấy (và nhận ra ngay.)).

Xét theo ví dụ trên (thể hiện bằng một ĐVND “I...him”), ta thấy MHND xuống-lên hành chức ngay trong bản thân từ có trọng âm (đồng thời là hạt nhân) “looked” và các từ không có trọng âm tiếp theo là “at”, “him” (theo đường nét ngữ điệu lên trong MHND xuống-lên).

b) Dùng MHND này trong PN trần thuật để diễn đạt sự dè dặt, e ngại của chủ thể PN, và sau đó có thể dùng “*nhưng (mà) tôi/ bạn phải công nhận/ chấp nhận*”, ví dụ:

**Tình huống 29:** Từ xưa đến nay, Arvil rất ghét Britney. Vừa rồi, cô gặp lại Briney sau một thời gian khá dài không gặp nhau. Mặc dù ghét nhưng Arvil đành phải công nhận rằng:

*She's 'pretty (but I must admit).*



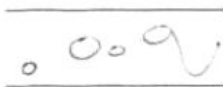
(Cô ta xinh) (thể hiện sự e dè) (nhưng tôi đành phải công nhận vậy.)

c) MHND này được sử dụng trong PN trần thuật nếu như đó là sự sửa lại cho đúng với thực tế khách quan, ví dụ:

**Tình huống 30:** Christina giới thiệu Ronald-một người bạn mà cô mới quen-với mẹ:

Christina: (*He's forty-four.*) (Ông ta 44 tuổi.)

Mom: *He's forty-four*



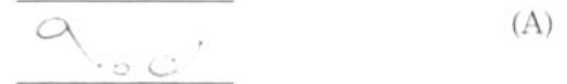
(Mẹ không tin ông ấy 44 tuổi.) (Có thể ông ấy trên, dưới 44 tuổi.)

Thông qua MHND xuống-lên ở âm tiết / fɔ:/ trong từ “*forty-four*” của PN do Mom (mẹ) thể hiện trong ĐVND “*He's forty-four*”, Mom đã sửa lại nội dung của PN của Christina cho đúng với thực tế khách quan.

d) Dùng ngữ điệu này để làm cho PN mệnh lệnh nghe có vẻ như một lời đề nghị nài nỉ (a pleading request). Trong trường hợp này, thường thì đường nét ngữ điệu xuống thể hiện ở “*Do*” hoặc “*Don't*” (“làm” hoặc “Không làm” (cái gì đó), hoặc ở “*Do*” (với tư cách là trợ động từ (auxiliary verb)) để nhấn mạnh nghĩa cho động từ chính đi liền sau. Còn đường nét ngữ điệu lên thể hiện ở âm tiết có trọng âm ở từ cuối trong ĐVND có MHND xuống-lên ấy, ví dụ:

**Tình huống 31:** Trong phòng làm việc, nhiều người đi ra đi vào mà không đóng cửa làm cho Brian thấy rất mệt mỏi vì tiếng ồn bên ngoài. Anh liền đề nghị mọi người:

*Shut the door.*



(Làm ơn đóng giúp cửa ra vào lại.)

Theo ví dụ trên, được thể hiện trong ĐVND “*Shut the door*”, chúng ta dễ dàng thấy đường nét ngữ điệu xuống dựa vào và bắt đầu từ hạt nhân “*Shut*” ở cao độ tương đối cao, sau đó đi lên từ âm tiết có trọng âm / dɔ:/ của từ “*door*” và kết thúc đường nét ngữ điệu này ở cao độ TB hoặc trên TB một chút. Đây là đường nét ngữ điệu xuống-lên không liền nét vì bị tách biệt bởi âm tiết không trọng âm / ðə / của từ “*the*”. (Xem A).

Hoặc: Rosana vừa kết thúc kì thi nhưng cô rất buồn chán vì làm bài không tốt lắm. Trong khi đó, những người bạn xung quanh cứ bàn tán mãi về kì thi. Rosana nói nài nỉ mọi người:

*Don't, make me sad.*



(Xin đừng làm tôi buồn.)

Theo PN trên được thể hiện trong ĐVND ở (B), chúng ta thấy đường nét ngữ điệu này dựa vào và bắt đầu từ hạt nhân “*Don't*” ở cao độ tương đối cao, sau đó đi xuống đến “*make*” có trọng âm chính nhưng không thể hiện ngữ điệu xuống hay lên (vì không phải là hạt nhân), rồi bắt đầu lên từ âm tiết có trọng âm / sɒd / của từ “*sad*” và kết thúc ở cao độ TB hoặc trên TB một chút (Xem B) để tạo nên một ĐVMD “*Don't...sad*” có ngữ điệu xuống - lên hành chức.

Hoặc: Trong một buổi liên hoan chia tay, Jowie đang ngồi uống rượu với đám bạn của mình. Jowie đã mệt không muốn uống nữa nhưng các bạn vẫn nài nỉ:

*Do, have some, more, wine.*

 (C)

(Nào uống thêm một chút rượu vang nữa đi.)

Ví dụ trên được thể hiện trong ĐVND ở (C) cho chúng ta thấy đường nét ngữ điệu xuống bắt đầu từ trợ động từ “Do” (dùng để nhấn mạnh cho hành động “uống” trong PN đó) và bắt đầu lên từ “Wine”, rồi kết thúc ở cao độ TB hoặc trên TB (xem C) để tạo nên một ĐVND “Do have...wine” có ngữ điệu xuống-lên hành chức.

e) Dùng MHND này trong trường hợp nếu PN có hai phần mà phần 1 quan trọng hơn phần 2 về nghĩa, ví dụ:

**Tình huống 32:** Trong đồn cảnh sát, một điều tra viên đang hỏi một nghi phạm đã đi đâu vào chủ nhật vừa rồi. Nghi phạm trả lời:

*I went to London on Sunday.*



(Tôi đã đi Luân đôn hôm chủ nhật.)

PN trên tương đương với một ĐVND có hai phần: phần 1 “I... London” và phần 2 “on... Sunday”. Phần 1 quan trọng hơn phần 2 về nghĩa (ý muốn nói rằng đi “Luân đôn” (nơi đến) quan trọng hơn “hôm Chủ nhật” (thời gian)). Do vậy, phần 1 có ngữ điệu xuống từ /l<sup>^</sup>n-/ (của London), còn phần 2 có ngữ điệu lên từ /s<sup>^</sup>n-/ (của Sunday) và kết thúc ở /-dei/ (văn của Sunday) ở cao độ TB hoặc trên TB một chút để tạo nên ĐVND “I...Sunday” có ngữ điệu xuống-lên hành chức.

f) MNHD này được dùng trong trường hợp nếu như phần xuôi ngữ

(phần đầu) và phần láy đuôi (phần cuối) cũng có hoặc không có phủ định từ “not” (không). Như vậy, loại PN kiểu này cũng tương tự như PN nghi vấn có/ không (hoặc PN nghi vấn dạng đảo), nhưng không nhất thiết phải trả lời có/ không, ví dụ:

**Tình huống 33:** 8h sáng, Charlotte biết mẹ đang chuẩn bị đi làm. Cô hỏi mẹ:

*You are going, are you?*



(Mẹ đi đấy à?) (Hỏi để mà hỏi, tương đương như lời chào không cần trả lời.)

PN trên tương đương như một ĐVND có ngữ điệu xuống-lên hành chức, trong đó đường nét ngữ điệu bắt đầu từ /gou-/ (của going) ở cao độ tương đối cao và đi lên từ /a:/ (của are) ở cao độ tương đối thấp, rồi kết thúc ở /ju/ (của you) ở cao độ TB hoặc trên TB một chút để tạo thành MHND xuống-lên trong ĐVND “You...you?”. Lí do chủ thể PN dùng ngữ điệu lên ở phần láy đuôi trong trường hợp kiểu như thế này vì thông thường thông tin phần nào đã được giới thiệu hoặc ám chỉ bởi chủ thể PN trước đó, mà bây giờ có thể lại là người tiếp thụ PN. Do vậy, nếu dùng ngữ điệu xuống ở phần láy đuôi là không phù hợp về mặt dụng học vì chủ thể PN và người tiếp thụ PN đều đã biết thông tin. Nói cách khác, đó là thông tin cũ (đã biết). Do vậy, kiểu PN như thế thường được dùng “hỏi” để mà “hỏi” không cần thiết sự trả lời. Kiểu PN này khác với kiểu PN nghi vấn láy đuôi được tách biệt bởi 2 phần: nếu phần đầu là khẳng định thì phần láy đuôi là phủ định, và ngược lại. Phần láy đuôi trong

PN nghi vấn lấy đuôi có thể được thể hiện bằng ngữ điệu xuống (khẳng định, đã biết), hoặc bằng ngữ điệu lên (cần sự trả lời).

g) Ngữ điệu này cũng được sử dụng trong PN trần thuật với nghĩa cảnh báo, ví dụ:

**Tình huống 34:** Lily và Anne đang nói về một bộ phim kinh dị mới chiếu tối qua. Barbara đột nhiên xuất hiện, hỏi các bạn đang nói chuyện gì và muốn góp vui. Anne đáp:

You won't like it.





(Bạn sẽ không thích cái đó đâu.)


## 5. Kết luận

Ngữ điệu nói chung, NĐTA nói riêng là một hiện tượng rất phức hợp vì có những đường nét lên, xuống, ngang, lên-xuống, xuống-lên...; trọng âm; ngưng nghỉ... và có chức năng biểu đạt, cách dùng phong phú trong những tình huống, chu cảnh nhất định. Tuy nhiên, ngữ điệu không như những hình thức biểu đạt của từ vì mỗi từ có một số nghĩa nhất định và luôn cố định. Cùng một MHND có thể có nhiều nghĩa khác nhau,

tùy theo tình huống vì ngữ điệu thuộc lời nói. Do đó, ngữ điệu vừa thuộc ngôn ngữ, vừa thuộc lời nói. ở đây, ngữ điệu với tư cách một yếu tố của ngôn ngữ. Tuy nhiên, khi nghiên cứu ngữ điệu, không thể tách rời khỏi tình huống và chu cảnh, ví dụ:

Yes. (Vâng.) (Hàm ý: đồng ý)  
 (1) (MHND cao-xuống)

Yes. (Vâng á?) (Hàm ý: Bạn nói "vâng"  
 à?)  
 (2) (MHND TB - lên)

Yes. (Vâng ư?) (Hàm ý: nghi  
 ngờ)  
 3) (MHND xuống-lên)

Nói tóm lại, 7 mẫu hình ngữ điệu tiếng Anh với một số chức năng chính, còn đi vào tỉ mỉ, theo chúng tôi thấy, có tới 34 nghĩa, cách dùng khác nhau. Chắc chắn chưa bao hàm được tất cả, nhưng đó là những nội dung rất cơ bản, có tính phổ quát của ngữ điệu tiếng Anh.

### Ghi chú:

- Tròn to (O): âm tiết có trọng âm.
- Tròn nhỏ (o): âm tiết không có trọng âm.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Antipova E.Ya., *English Intonation*, Leningrad, 1974.
2. Bolinger D.L., *Intonation and its Parts*, London: Edward Arnold, 1986.
3. Bolinger D.L., *Intonation and its Uses*, London: Edward Arnold, 1988.
4. Brazil D., Coultard M., and Johns C., *Discourse Intonation and Language Teaching*, Longman, 1980.
5. Brazil D., *The communicative value of intonation in English*, C.U.P, 1997.
6. Brazil D., *Pronunciation for Advanced Learners of English*, C.U.P, 2000.

7. Couper - Kuhlen E., *An Introduction to English Prosody*, London: Edward Arnold, 1986.
8. Cruttenden A., *Intonation*, C.U.P. 1997.
9. Crystal D., *The Cambridge Encyclopedia of the English Language*, C.U.P, 1995.
10. Halliday M.A.K., *A Course in Spoken English : Intonation*, O.U.P, 1978.
11. Ladefoged P., *A Course in Phonetics, Harcourt Brace Jovanovich*, New York and London, 1982.
12. O'Connor J.D., Arnold G.F., *Intonation of Colloquial English*, Longman, 1973.
13. O'Grady W., Dobrovolsky M., Katamba F., *Contemporary Linguistics : An Introduction*, Longman, 1996.
14. Roach P., *English Phonetics and Phonology : A Practical Course*, c.u.p. 1990.
15. Tatham M., Morton K., and Lewis E., *Stress and Intonation; Intonation Theory: Assignment of Intonation in a High - Level Speech Synthesiser*, University of Essex, Dept. Language and Linguistics - mark.tatham@essex.ac.uk; katherine.morton@essex.ac.uk; and University of Bristol, Dept.Computer science - eric.lewis @bristol.ac.uk, 1998.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XX, N<sup>o</sup>4, 2004

## ENGLISH INTONATION AND ITS FUNCTIONS

Nguyen Huy Ky, PhD Candidate

*Department of Foreign Language,  
Hanoi Junior Teacher Training College*

The article consists of 5 parts: Introduction to English intonation; some major criteria for the selection of 7 English nuclear tones; the concept and theoretical-practical approaches; the forms of English intonation and its functions; and the conclusion.

Without the working criteria mentioned above, it is totally hard for us to identify 7 English nuclear tones that we have agreed with Cruttenden [8] and used them in our article.

Something more important is that the author has designed 34 situations for 34 uses of English intonation to function effectively.

For more details, the above- mentioned article is of great help.